TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2020
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Quyết
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Thị B1**, sinh năm 1970;

Nơi đăng ký hộ khẩu: Nhà số 406 đường D, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Chỗ ở hiện nay: K814 H83B/43 đường V, phường Đ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Dương B2**, sinh năm 1957*;*

Nơi đăng ký hộ khẩu: Nhà số 406 đường D, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Chỗ ở hiện nay: Nhà số 188 đường S, tổ 41, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2020; bản tự khai ngày 08/7/2020; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày*

11/9/2020; biên bản hòa giải ngày 11/9/2020 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Dương Thị B1 trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Dương B2 xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 22/11/1988. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà số 406 đường D, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2018 thì vợ chồng bán ngôi nhà và chuyển về sống tại nhà số 188 đường S, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống. Từ khoảng tháng 4/2019 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi và không ai còn quan tâm đến ai.

Nay bà xác định không còn tình cảm thương yêu ông B2, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương B2.

- *Về con chung:* Bà và ông B2 có 03 (ba) người con chung là: Dương Thị Hồng L, sinh ngày 15/10/1988, Dương Thị Hồng N, sinh ngày 13/5/1990 và Dương Phúc K, sinh ngày 02/02/1995. Ly hôn, các con đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà xác định bà và ông B2 không nợ nần ai và không ai nợ nần ông bà.

***** *Theo bản tự khai ngày 27/7/2020; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 11/9/2020, biên bản hòa giải ngày 11/9/2020 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Dương B2 trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà Dương Thị B1 về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Hôn nhân giữa ông và bà B1 là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà số 406 đường D, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2018 thì vợ chồng bán ngôi nhà và chuyển về sống tại nhà số 188 đường S, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2018 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà B1 quan hệ bạn bè quá đà, ông đã khuyên rất nhiều lần nhưng bà B1 không thay đổi. Sau đó, bà B1 nhiều lần tự ý bỏ nhà đi và bị bạn bé xúi giục nộp đơn ly hôn. Từ ngày 02/4/2019 đến nay, ông và bà B1 đã sống ly thân mỗi người một nơi và không

ai còn quan tâm đến ai. Nay bà B1 nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn với bà Dương Thị B1 với điều kiện bà B1 phải ký văn bản giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho ông và con sở hữu, sử dụng. Nếu bà B1 muốn về đoàn tụ thì ông yêu cầu bà B1 phải thay đổi, không được đi chơi với bạn bè nữa, phải luôn luôn ở nhà.

Tại phiên tòa hôm nay, ông B2 trình bày nếu bà B1 kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết luôn vấn đề tài sản chung của vợ chồng.

- *Về con chung:* Ông và bà B1 có 03 người con chung là Dương Thị Hồng L, sinh ngày 15/10/1988, Dương Thị Hồng N, sinh ngày 13/5/1990 và Dương Phúc K, sinh ngày 02/02/1995. Các con đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Quá trình giải quyết vụ án, ông Dương B2 xác định nếu phải ly hôn thì tài sản chung ông và bà B1 tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông trình bày đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

- *Về nợ chung*: Ông và bà B1 không nợ nần ai và không ai nợ nần ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị B1 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" đối với ông Dương B2.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Dương Thị B1 được ly hôn với ông Dương B2.

Về con chung: Bà B1 và ông B2 xác định có 03 người con là: Dương Thị Hồng L, sinh ngày 15/10/1988, Dương Thị Hồng N, sinh ngày 13/5/1990 và Dương Phúc K, sinh ngày 02/02/1995. Các con đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ ánbà B1 và ông B2 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Dương B2 đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu của ông B2 sau thời điểm Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên yêu cầu của ông B2 không có căn cứ để chấp nhận, sau khi giải quyết ly hôn thì ông B2 có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Về nợ chung: Bà B1 và ông B2 xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Dương Thị B1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Dương B2 có địa chỉ tại nhà số 188 đường S, tổ 41, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Dương Thị B1 và ông Dương B2 có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 22/11/1988; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống tại nhà số 406 đường D, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2018 thì vợ chồng bán ngôi nhà nêu trên và chuyển về sống tại nhà số 188 đường S, tổ 41, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Theo bà B1 trình bày thì trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi từ tháng 4/2019 đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Để ổn định cuộc sống, bà Dương Thị B1 đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn đối với ông Dương B2. Còn về phía ông B2, ông vẫn có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu bà B1 kiên quyết yêu cầu ly hôn thì ông chỉ đồng ý ly hôn nếu bà B1 đồng ý giao toàn bộ tài sản chung cho ông và con sở hữu, sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả bà B1 và ông B2 đều xác định giữa vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về mọi mặt, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng thương yêu nhau và có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh tại nơi ông bà cư trú thể hiện từ giữa năm 2019 chỉ có một mình ông B2 về sống tại nhà số 188 đường S, tổ 41 phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn của bà B1 và ông B2 là có thật, cuộc hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyện vọng yêu cầu được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của bà Dương Thị B1 là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Dương B2 trong quá trình giải quyết vụ án ông cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, ông chỉ đồng ý ly hôn với bà B1 khi bà B1 giao toàn bộ tài

sản chung của vợ chồng cho ông và con sở hữu, sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của ông không được bà B1 chấp nhận, ông cũng không có giải pháp nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận đề nghị của ông.

[3] Về con chung: Bà B1 và ông B2 xác định vợ chồng có 03 người con chung là Dương Thị Hồng L, sinh ngày 15/10/1988, Dương Thị Hồng N, sinh ngày 13/5/1990 và Dương Phúc K, sinh ngày 02/02/1995. Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà B1 và ông B2 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông Dương B2 yêu cầu giải quyết về ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết luôn về tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu giải quyết tài sản chung của ông B2 là yêu cầu liên quan đến việc giải quyết yêu cầu ly hôn của bà B1 đối với ông B2, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông mới có yêu cầu chia tài sản chung là sau thời điểm Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Hội đồng xét xử không chấp nhận; sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung: Bà B1 và ông B2 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Dương Thị B1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" của nguyên đơn là bà Dương Thị B1 đối với bị đơn là ông Dương B2.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị B1 được ly hôn với ông Dương B2.

2. Về con chung: Các con chung của bà Dương Thị B1 và ông Dương B2 là Dương Thị Hồng L, sinh ngày 15/10/1988, Dương Thị Hồng N, sinh ngày 13/5/1990 và Dương Phúc K, sinh ngày 02/02/1995 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* bà Dương Thị B1 phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0002133 ngày 08/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà B1 đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (*Giấy CNKH ngày 22/11/1988; số 43; quyển số 02*);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đức Thiện